

Bản án số: 36/2019/HS-ST

Ngày 22-10-2019

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAN LỘC, TỈNH HÀ TĨNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Trung Thông.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Duy Quang và ông Trần Minh Hạ.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Bính - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Can Lộc.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện C tham gia phiên tòa: Ông Ngô Mạnh Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Can Lộc xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 31/2019/TLST-HS ngày 25 tháng 9 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33/2019/QĐXXST-HS ngày 09/10/2019 đối với bị cáo:

- Họ và tên: Lê Thị T; **tên gọi khác:** Không; **sinh ngày:** 05/3/1944; **nơi sinh:** Xã P, thành phố P, tỉnh Hà Nam; **nơi cư trú:** Xóm 4, xã P, thành phố P, tỉnh Hà Nam; **ngành nghiệp:** Làm ruộng; **trình độ văn hoá:** 0/12; **dân tộc:** Kinh; **giới tính:** Nữ; **tôn giáo:** Không; **quốc tịch:** Việt Nam; **con ông Lê Văn H và bà Nguyễn Thị H, bố mẹ hiện đã mất; chồng Nguyễn Văn V đã mất và 01 con sinh năm 1972; tiền án, tiền sự:** Không; **nhân thân:** Ngày 07/7/1969 bị công an huyện Thanh Trì, Hà Nội bắt về hành vi trộm cắp tài sản; Ngày 21/12/1977 bị Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam Ninh xử phạt 02 năm tù về tội chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có; Ngày 21/12/1977 bị Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam Ninh xử phạt 02 năm tù về tội Trộm cắp tài sản; Ngày 20/10/1979 Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam Ninh quyết định xử phạt cải tạo không giam giữ 03 năm về hành vi Trộm cắp tài sản; Ngày 28/12/1982 bị Công an tỉnh Hà Nam Ninh bắt về hành vi trộm cắp tài sản; Ngày 16/8/1983 Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam Ninh quyết định xử phạt cải tạo không giam giữ 03 năm về hành vi Trộm cắp tài sản; Ngày 25/11/1986 Công an quận 6, TP Hồ Chí Minh bắt về hành vi trộm cắp tài sản; Ngày 27/3/2003 bị Tòa án nhân dân quận Hoàn Kiếm, Hà Nội xử phạt 08 tháng tù cho hưởng án treo (thử thách 16 tháng) về tội “Trộm cắp tài sản”; Ngày 01/4/2005 bị Phòng PC 14, Công an thành phố Hà Nội bắt về hành vi trộm cắp tài sản; Ngày 29/12/2008 bị Tòa án nhân dân thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La xử phạt 09 tháng tù cho hưởng án treo

về tội “Trộm cắp tài sản”; Ngày 20/7/2009 bị Tòa án nhân dân thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ xử phạt 01 năm 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”; Ngày 22/5/2015 Công an huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định xử phạt hành chính theo quyết định số 122/QĐ về hành vi “Trộm cắp tài sản”. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 21/7/2019 đến ngày 24/7/2019 chuyển tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hà Tĩnh đến nay; có mặt tại phiên tòa.

- *Người bị hại:* Bùi Thị Nguyệt A; sinh năm: 1973; địa chỉ: Xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình; nơi công tác: Bệnh viện đa khoa Q, tỉnh Thái Bình; địa chỉ: Số 252 đường N, thị trấn Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào ngày 20/7/2019, Lê Thị T bắt xe khách đi từ thành phố P, tỉnh Hà Nam vào tỉnh Hà Tĩnh. Đến khoảng 08 giờ 30 phút ngày 21/7/2019, khi xe đi đến ngã ba Đ, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh thấy đông người nên Tuấn xuống xe và đi vào khu di tích ngã ba Đ, quan sát sơ hở của du khách để trộm cắp tài sản. Đến khoảng 09 giờ cùng ngày thì Tuấn thấy chị Bùi Thị Nguyệt A sinh năm 1973 trú tại xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình có đeo 01 chiếc túi xách bên người nhưng không khóa, lợi dụng lúc đông người thấp hươg không ai để ý nên Tuấn tiến lại sát người chị Anh và dùng tay của mình móc chiếc ví bên trong túi của chị Anh. Ngay sau khi vừa lấy được tài sản thì Tuấn bị lực lượng công an huyện C phát hiện và bắt quả tang, thu giữ toàn bộ tài sản Tuấn vừa trộm cắp được gồm: 01 chiếc ví da màu vàng bên trong có 2.030.000 đồng tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, 03 tờ tiền mệnh giá 100 dollars Canada, 01 tờ tiền mệnh giá 5 dollars Auxtralia, 03 tờ tiền mệnh giá 2 dollars Mỹ, 01 tờ tiền mệnh giá 100 dollars Hồng Kông và 01 chứng minh nhân dân mang tên Bùi Thị Nguyệt A.

Bản kết luận giám định số 200/PC09-KTHS ngày 08/8/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Hà Tĩnh xác định: 03 tờ tiền mệnh giá 100 dollars Canada, 01 tờ tiền mệnh giá 5 dollars Auxtralia, 03 tờ tiền mệnh giá 2 dollars Mỹ và 01 tờ tiền mệnh giá 100 dollars Hồng Kông đều là tiền thật.

Kết quả xác định tỷ giá ngoại tệ của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chi nhánh tỉnh Hà Tĩnh như sau: 01 Dollars Mỹ = 23,077,00 Việt Nam đồng (Hai mươi ba nghìn không trăm bảy mươi bảy đồng Việt Nam), 6 dollars Mỹ = 138.462 đồng (Một trăm ba mươi tám nghìn bốn trăm sáu mươi hai đồng); 01 Dollars Canada = 17,672,57 Việt Nam đồng (Mười bảy nghìn sáu trăm bảy mươi hai phẩy năm mươi bảy đồng Việt Nam), 300 dollars Canada = 5.301.771 đồng (Năm triệu ba trăm linh một nghìn bảy trăm bảy mươi một đồng); 01 Dollars Auxtralia = 16,166,05 Việt Nam đồng (Mười sáu nghìn một trăm sáu mươi sáu phẩy không

năm đồng Việt Nam), 5 dollars Auxtralia = 80,830,25 đồng (Tám mươi nghìn tám trăm ba mươi phẩy hai trăm đồng); 01 Dollars Hồng Kông = 2,951,8 Việt Nam đồng (Hai nghìn chín trăm năm mươi một phẩy tám đồng Việt Nam), 100 dollars Hồng Kông = 295,180,0 đồng (Hai trăm chín mươi lăm nghìn một trăm tám mươi đồng).

Tổng tài sản bị can chiếm đoạt là: $2,030,000 + 138,462 + 5,301,771 + 80,830,25 + 295,180,0 = 7,846,243,25$ đồng. (Bảy triệu tám trăm bốn mươi sáu nghìn hai trăm bốn mươi ba phẩy hai mươi lăm đồng).

Vật chứng vụ án: Quá trình bắt quả tang, Cơ quan CSĐT Công an huyện C đã thu giữ và trả lại cho chủ sở hữu: 01 chiếc ví da màu nâu bên trong có 2.030.000 đồng tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, 03 tờ tiền mệnh giá 100 dollars Canada, 01 tờ tiền mệnh giá 5 dollars Auxtralia, 03 tờ tiền mệnh giá 2 dollars Mỹ, 01 tờ tiền mệnh giá 100 dollars Hồng Kông và 01 số giấy tờ tùy thân mang tên Bùi Thị Nguyệt A.

Vấn đề dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản, nay không có yêu cầu gì thêm về mặt dân sự và có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo

Với hành vi trên, Cáo trạng số 33/CT – VKSCL-HS ngày 23/9/2019, Viện Kiểm sát nhân dân huyện C đã truy tố bị cáo Lê Thị T về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng đã nêu.

Người bị hại Bùi Thị Nguyệt A vắng mặt tại phiên tòa tuy nhiên lời khai trong hồ sơ vụ án trình bày nội dung vụ án như lời khai của bị cáo và nội dung bản cáo trạng; không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm về mặt dân sự và xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện C vẫn giữ nguyên quyết định truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Lê Thị T phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”; đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 173 ; Điều 38; tiết thứ nhất điểm s, điểm o khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt Lê Thị T mức án từ 07 đến 10 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ 21/7/2019. Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

Bị cáo nói lời sau cùng thừa nhận hành vi phạm tội của mình, không có tranh luận gì với luận tội của đại diện Viện kiểm sát và xin Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo mức án thấp nhất để bị cáo sớm trở về với gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tính hợp pháp của các hành vi và quyết định tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện C, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân

dân huyện C, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo, người tham gia tố tụng không có khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa hôm nay phù hợp với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, với nội dung cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố và các chứng cứ khác có tại hồ sơ, như vậy đủ cơ sở kết luận: Vì muốn có tiền tiêu xài cá nhân, vào khoảng 09 giờ ngày 21/7/2019, tại khu di tích ngã ba Đ, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh, Lê Thị T đã lấy trộm của chị Bùi Thị Nguyệt A một ví đựng tiền với tổng số tiền bị chiếm đoạt là 7.846.243,25 đồng (Bảy triệu tám trăm bốn mươi sáu nghìn hai trăm bốn mươi ba phẩy hai mươi lăm đồng) gồm nhiều loại tiền, cụ thể: 2.030.000 đồng tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, 300 dollars Canada, 5 dollars Australia, 6 dollars Mỹ và 100 dollars Hồng Kông.

[3] Hành vi của bị cáo Lê Thị T lợi dụng sơ hở lén lút chiếm đoạt tài sản của chị Bùi Thị Nguyệt A có trị giá 7.846.243,25 đồng đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản” được quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Do đó việc truy tố, xét xử bị cáo về tội danh, điều luật nêu trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội, không oan sai.

[4] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, đồng thời làm ảnh hưởng đến trật tự an toàn xã hội trên địa bàn, gây hoang mang, lo lắng trong nhân dân nên cần phải xử lý nghiêm trước pháp luật nhằm răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung đối với xã hội.

[5] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, bị cáo là người đủ 70 tuổi trở lên, người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Do đó, cần cho bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại Điểm o, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[6] Trên cơ sở xem xét, đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Xét thấy cần buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tại cơ sở giam giữ trong một thời gian như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp nhằm giáo dục bị cáo và răn đe phòng ngừa chung.

[7] Về hình phạt bổ sung: Khoản 5 Điều 173 Bộ luật hình sự quy định “Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng” do đó, bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa đều cho thấy bị cáo nghề nghiệp làm ruộng nhưng hiện bị cáo tuổi già không có khả năng lao động, không có thu nhập, điều kiện kinh tế còn khó khăn. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại không có yêu cầu về mặt dân sự nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[9] Về xử lý vật chứng: Vật chứng vụ án Cơ quan điều tra đã trả lại cho chủ sở hữu trong quá trình điều tra nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[10] Về án phí và quyền kháng cáo: Bị cáo là người cao tuổi nên miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo; bị cáo, người bị hại có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về điều luật áp dụng: Căn cứ khoản 1 Điều 173; các điểm o, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

2. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Lê Thị T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

3. Về hình phạt chính: Xử phạt Lê Thị T 07 (Bảy) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ 21/7/2019.

4. Về án phí: Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Lê Thị T.

5. Về quyền kháng cáo đối với bản án: Bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người bị hại chị Bùi Thị Nguyệt A được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Tĩnh;
- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- VKSND huyện C;
- Cơ quan cảnh sát điều tra và Cơ quan thi hành án hình sự Công an huyện C;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Hà Tĩnh;
- Sở Tư pháp Hà Tĩnh;
- Chi cục THADS huyện C;
- Bị cáo; Người bị hại;
- Lưu: HS; VP-TA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Trung Thông